

Tấm bằng đại học được ví như cái 'thẻ thông hành' khi bước ra đời này. Do đó, người người đua nhau đi học đại học. Các bậc cha mẹ cố gắng khắc phục khó khăn để bằng mọi cách cho con vào đại học. Các trường cao đẳng, chuyên nghiệp, và dạy nghề là những lựa chọn thứ hai hoặc bất đắc dĩ. Sở thích và năng lực của người học là những yếu tố ít được các gia đình xem xét khi chọn trường và ngành học cho con em mình.



Đổi mới giáo dục đại học: Yếu tố sinh viên

Thạc sĩ LÊ THU HƯỜNG & ĐOÀN HỮU PHƯƠNG KHUÊ

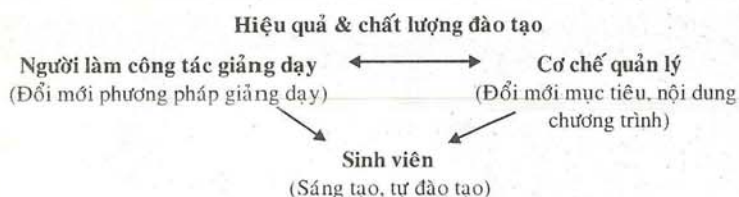
I. Giới thiệu

Đổi mới giáo dục đại học là một vấn đề đã được bàn đến từ lâu và nay với xu thế hội nhập và toàn cầu hóa lại càng trở nên cấp thiết. Đã có rất nhiều các bài viết, các bài tham luận, các phóng sự v.v. được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng đề cập đến vấn đề này từ nhiều góc độ, mức độ khác nhau từ phạm vi vĩ mô mang tính chiến lược như cần phải thay đổi lại cấu trúc của hệ thống giáo dục đại học (Bành Tiễn Long, 2003) hoặc xây dựng một nhân hiệu đại học nhằm đẩy nhanh quá trình hội nhập của giáo dục Việt Nam bên cạnh việc nâng cao chất lượng đào tạo (Hà Bích Liên, 2003); đến những vấn đề thu hút sự quan tâm của toàn thể xã hội như xã hội hóa giáo dục đại học, đổi mới cơ chế tuyển sinh để đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục đại học, mở rộng cánh cửa đại học tạo điều kiện cho tất cả những ai có nguyện vọng, khả năng, và điều kiện được tiếp nhận giáo dục đại học (Giáo dục và thời đại, 2003a; Trần Văn Khái, 2003). Một số vấn đề cụ thể, 'thiết thực' khác, gắn liền với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo đại học cũng đã và đang được bàn luận sâu

rộng. Những vấn đề này có thể kể ra như đổi mới phương pháp dạy và học ở bậc đại học; bổ sung và chuẩn hóa đội ngũ giảng viên; nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học; quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn những 'tệ nạn' trong trường đại học như gian lận trong thi cử, sao chép luận văn v.v. trong đó việc cần phải đổi mới phương pháp dạy truyền thụ một chiều được đề cập đến nhiều hơn cả, thậm chí đã được đưa vào Nghị quyết T.Ư 2 (khóa VIII) của Đảng (Hà Nội Mới, 2003). Theo GS. Nguyễn Cảnh Toàn (Hà Nội Mới, 2003), phương pháp dạy học này là nguyên nhân dẫn đến lối học thụ động, làm suy giảm sức sáng tạo của người học, tạo ra sức ỳ tâm lý và hi vọng trong năm học tới, một lĩnh vực khoa học mới có tên Khoa học sáng tạo học sẽ được đưa vào chương trình giảng dạy tại các trường đại học nhằm khắc phục tình trạng này. Có rất nhiều ý kiến đồng tình với nhận định này của Giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn, cho rằng ở nước ta hiện nay, giáo dục đại học vẫn chưa có hiệu quả thực tiễn, học chưa đi với hành mà phải có hành thì trong hoạt động thực

tiễn mới sản sinh ra sức sáng tạo (Giáo dục và thời đại, 2003b). Và hiện nay đã xuất hiện ý kiến về việc hình thành một mô hình thử nghiệm mới giúp đẩy mạnh cơ hội thực hành cho sinh viên có tên gọi 'mô hình đại học nghiên cứu' (Nhân Dân, 2003). Nếu xây dựng được một chương trình khung thích hợp thì đây là một mô hình cần được nhân rộng vì quá trình làm nghiên cứu không chỉ là cơ hội để sinh viên được thực hành, được phát huy khả năng sáng tạo, tiềm năng của bản thân mà còn là quá trình giúp hình thành những phẩm chất cần thiết cho những 'trụ cột' tương lai của đất nước như sự kiên trì, tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học và tự nghiên cứu. Đào tạo đại học phải gắn liền với tự học, tự đào tạo là một vấn đề được đề cập nhiều trong thời gian gần đây trong đó phương pháp truyền đạt của người thầy và tính định hướng của nội dung chương trình giảng dạy đóng vai trò chủ đạo (Phạm Văn Tư, 2003; Giáo dục và thời đại, 2003b).

Tuy nhiên theo như sơ đồ sau đây thì còn một yếu tố ít được quan tâm, xem xét khi bàn đến hiệu quả và chất lượng của đào tạo đại học: đó là yếu tố



sinh viên. Bởi sinh viên (là đầu ra của qui trình đào tạo, là đối tượng được tham khảo khi đo lường hiệu quả và chất lượng của quá trình đào tạo) không đơn thuần chỉ là đối tượng 'tiếp nhận' những 'đổi mới' từ phía người làm công tác giảng dạy (phương pháp giảng dạy) và cơ chế quản lý (mục tiêu, nội dung chương trình). Sinh viên cũng đóng một vai trò nhất định, có những tác động nhất định đến hai đối tượng còn lại trong mối quan hệ hai chiều này là người làm công tác giảng dạy và cơ chế quản lý. Sinh viên có thể giúp nâng cao cảm hứng và trách nhiệm đối với công việc ở người làm công tác giảng dạy. Tương tự như vậy, nguyện vọng của sinh viên cũng có thể dẫn tới những thay đổi cần thiết trong mục tiêu và nội dung của chương trình đào tạo. Song công cuộc cải cách giáo dục của nước ta hầu như vẫn 'giậm chân tại chỗ' hơn 20 năm qua, những đổi mới về phía nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy đã được thí điểm hay đưa vào thực tế ở một số nơi nhưng kết quả vẫn không mấy rõ rệt (Nguyễn Thế Long, 2003). Bỏ qua các yếu tố như mục tiêu, nội dung chương trình chưa phù hợp, chưa sát với thực tế cuộc sống, với đòi hỏi của xã hội, chưa thật cô đọng, chưa thật 'tinh' (Giáo dục và thời đại, 2003b); thực tế khách quan chưa cho phép: do kinh tế còn khó khăn nên người đứng lớp chưa thể toàn tâm toàn ý đầu tư hết công sức cho công việc giảng dạy (Nguyễn Cảnh Toàn, 2003)... chúng ta hãy thử nhìn vào yếu tố sinh viên xem thể hệ trẻ này có ảnh hưởng như thế nào đến công cuộc đổi mới sự nghiệp giáo dục ở bậc đại học.

II. Thực trạng và nguyên nhân

1. Thực trạng

Để tài nghiên cứu do Thạc sĩ Nguyễn Ánh Hồng, giảng viên khoa Giáo dục học, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về lối

sống của sinh viên hiện nay (sinh viên được chọn mẫu ngẫu nhiên tại ba trường thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh gồm có Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, và Đại học Bách khoa) (VietNamNet, 2003) cho thấy chỉ có 30% sinh viên là 'say mê học tập' hiểu theo nghĩa bên cạnh việc ham học, đây là số phần trăm ít ỏi sinh viên ý thức được mục tiêu, ý nghĩa của việc học đại học - luôn hướng tới mục tiêu tự phát triển và hoàn thiện; đồng thời đề cao lối sống tích cực, có chí hướng.

2. Nguyên nhân chủ quan: lối sống và quan niệm về việc học đại học

• Lối sống

Không kể con số 10% xem việc học như 'đồ trang sức' - nhu cầu vui chơi, giải trí và hưởng thụ là những quan tâm hàng đầu của nhóm sinh viên này; số còn lại - chiếm 60% số sinh viên được hỏi - sống khép mình, học chỉ để ... học. Kết quả nghiên cứu của nhóm sinh viên khoa Đông Phương học cũng cho ra những kết luận tương tự. Khoảng 60% số sinh viên được hỏi chọn học thêm là ưu tiên hàng đầu ngoài việc học ở trường. Ưu tiên thứ hai là đi làm thêm (24%).

Những sinh viên này có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến một cuộc sống ổn định, bằng phẳng của bản thân và gia đình. Ở họ thiếu vắng bóng dáng của những hoài bão, lý tưởng cao cả hay quan niệm về sự cống hiến, đóng góp cho cộng đồng và xã hội. Như vậy đối với nhóm sinh viên này, tuy cũng quan tâm đến việc học của mình, song việc nghiên cứu khoa học, sự tìm tòi sáng tạo, và các hoạt động đoàn thể không phải là những vấn đề được ưu tiên.

• Quan niệm về việc học đại học

Học thêm, điều đó cho thấy nếp nghĩ và cách học của các sinh viên đại học cũng không mấy khác biệt so với các học trò phổ thông! Thay vì dành

thời gian tự học, tự nghiên cứu, các bạn thấy 'yên tâm' hơn khi đăng ký theo học ở các trung tâm 'uy tín' có cấp chứng chỉ hẳn hoi để học những môn được cho là cần thiết khi xin việc sau này như ngoại ngữ, nghiệp vụ thư ký, tài chính kế toán ...

Theo Đoàn Hữu Phương Khuê (2002), có đến 80% sinh viên khoa Đông Phương học cho là các môn học rèn luyện các kỹ năng ngoại ngữ là rất quan trọng. Các môn học tự trang bị được đánh giá cao thứ hai (26.5%) vì 'hiện nay, khi đi xin việc, các nhà tuyển dụng rất quan tâm đến khả năng ngoại ngữ và khả năng tin học của người xin việc bên cạnh khả năng chuyên môn, do đó tâm lý xem trọng các môn học này là điều tất yếu' (tr. 21). Các môn khu vực học được xếp thứ ba (22.6%). Các môn đại cương và các môn học bắt buộc - những môn học quan trọng nhất giúp xây dựng cơ sở lý luận và kiến thức nền tảng cho một sinh viên - lại đứng đầu danh sách bị 'xem thường'.

Một thái độ học tập lệch lạc thường đi kèm với một phương pháp học tập kém hiệu quả gây ra bởi tâm lý miễn cưỡng, đối phó. Cũng theo Phương Khuê (2002), phần lớn sinh viên đầu tư thời gian và sức lực cho các môn học 'thực tế'. Những môn còn lại sẽ được tăng tốc và học dồn vào giai đoạn cuối học kỳ, chuẩn bị thi. Kết quả là chất lượng cũng như số lượng kiến thức sinh viên thu lượm được từ những môn học này rất yếu và thấp.

Đây là một thực tế đáng buồn và lo bởi tuy 'mang tiếng' là một sinh viên đại học song tầm nhìn lại rất hạn chế. Nếu chỉ cần đến những kỹ năng 'văn phòng' với mục đích xin việc làm thì họ đâu cần phải mất đến 4 năm đi học đại học. Sẽ phù hợp hơn đồng thời tiết kiệm được rất nhiều thời gian, tiền bạc, và sức lực không riêng gì của người học và gia đình họ mà còn của cả xã hội nếu những sinh viên này theo học ở các trường dạy nghề hoặc tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn. Song tấm bằng đại học được ví như cái 'thẻ thông hành' khi bước ra đời vậy. Do đó, người người đua nhau đi học đại học. Các bậc cha mẹ cố gắng khắc phục khó khăn để bằng mọi cách cho con vào đại học. Các trường cao đẳng,

chuyên nghiệp, và dạy nghề là những chọn lựa thứ hai hoặc bất đắc dĩ. Sở thích và năng lực của người học là những yếu tố ít được các gia đình xem xét khi chọn trường và ngành học cho con em mình, đặc biệt là sở thích - yếu tố mà ở các nước phương Tây được gia đình và nhà trường khuyến khích đồng thời được các học sinh ưu tiên hàng đầu khi chọn lựa ngành học đại học vì nó sẽ quyết định phần lớn thành công trong quá trình học tập ở trường của các em cũng như với nghề nghiệp tương lai sau khi ra trường.

3. Nguyên nhân khách quan: chưa được chuẩn bị tốt trong quá trình chuyển giao giữa hai bậc học

Trong quá trình hội nhập để phát triển, xã hội nước ta đang có những biến chuyển sâu sắc ở nhiều lĩnh vực khác nhau với sự xuất hiện của nhiều ngành nghề mới, trong đó có một số được xem là 'thời thượng' với tiêu chí đơn giản là có khả năng đem lại thu nhập cao (Bộ GD&ĐT, 2003b).

Các bậc cha mẹ với mong muốn con cái có một tương lai tốt đẹp thường 'hướng' con thi vào những ngành 'thời thượng'. Các em học sinh do chưa có thói quen tự mình quyết định và chịu trách nhiệm về những quyết định của mình nên thường chịu ảnh hưởng rất lớn từ phía gia đình.

Thứ hai, nhà trường phổ thông vẫn chưa thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp cho học sinh. Do vậy, các em nhìn chung còn rất bồng bột và chủ quan khi chọn trường cũng như ngành học đại học. Theo Đoàn Hữu Phương Khuê (2002), lý do mà phần lớn sinh viên chọn thi vào khoa Đông Phương là vì đây là một ngành đào tạo mới và các bạn sẽ có cơ hội được chọn học những thứ tiếng phương Đông 'thịnh hành' như tiếng Nhật hay tiếng Hàn.

Thêm vào đó, phương pháp dạy và học ở hai bậc học phổ thông và đại học là hoàn toàn khác nhau; việc không được làm quen thậm chí không hề có khái niệm gì về cách dạy và cách học đại học cùng với một sự chuyển giao 'đột ngột' chắc chắn sẽ tạo cho các em không ít khó khăn ■

(Trích tham luận tại Hội thảo "Đổi mới giáo dục đại học: hội nhập và thách thức", Bộ giáo dục và đào tạo, Hà Nội, ngày 30 - 31.3.2004)



Giải quyết sự mâu thuẫn giữa chất lượng giáo dục và nhu cầu xã hội

NGUYỄN KHÁNH TRUNG

Trong xã hội kinh tế cạnh tranh, sinh viên phải trả tiền để đi học, ra trường phải tự kiếm việc làm, mà muốn có việc làm hay không, điều này hoàn toàn tùy thuộc vào những kỹ năng, tri thức, tác phong, thái độ của họ sau khi tốt nghiệp. Những chuẩn mực này phải phù hợp với các tiêu chuẩn của các nhà tuyển dụng, hay đúng hơn, những đòi hỏi về chất lượng của sản phẩm đào tạo được quy định trực tiếp bởi các công ty xí nghiệp, bởi thị trường lao động hơn là bởi các nhà lãnh đạo giáo dục.

“Nền giáo dục của chúng ta đang khủng hoảng”, đó là nhận xét của các giáo sư trong buổi làm việc lấy ý kiến cho một dự thảo do Trung ương Mặt trận Tổ quốc tổ chức ngày 4.9.2003, là nỗi trăn trở chung của hàng ngàn đại biểu trong hội thảo “Đổi mới giáo dục ĐH VN: cơ hội và thách thức” do Bộ giáo dục và đào tạo tổ chức tại Hà Nội ngày 30 và 31.3.2004. Đây cũng là thực trạng đã được báo động chính thức từ Quốc hội qua bài báo cáo của vị đại diện chính phủ trong phiên khai mạc kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa mười: “Điều làm xã hội lo lắng là chất lượng giáo dục từ phổ thông đến đại học nhìn chung còn thấp, cách dạy và học nặng về thuộc lòng, rất kém tính

sáng tạo và năng lực thực hành...”.

Vậy chất lượng giáo dục đại học là gì và như thế nào trong xã hội của nền kinh tế thị trường, trong tiến trình hội nhập quốc tế hiện nay? Mục đích bài viết này không tham vọng giới thiệu một mô hình đánh giá chất lượng theo cách của các nhà giáo dục học, nhưng đề cập đến cách hiểu, cách đặt vấn đề thế nào là chất lượng giáo dục trong tương quan với thời cuộc nhằm góp tiếng nói trong việc tìm kiếm và xác định một minh triết cho ngành giáo dục bậc cao quan trọng này.

Tìm câu trả lời ngoài xã hội

Giáo dục thường có khởi điểm từ xã hội và đích đến cũng là xã hội, nói theo cách của E. Durkheim, “Giáo dục là hiện tượng hoàn toàn